

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 27-6-2022 về việc: Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-8-2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 22/2022/TBXX ngày 05-9-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-9-1997 tại UBND thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp và không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1998 và Phạm Tuấn A, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-9-1997 tại UBND thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không kết quả. Nay Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và Chị H có hai con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1998 và Phạm Tuấn A, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân T.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Phạm Xuân T có nơi cư trú tại thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 23-9-1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H, cho Chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1998 và Phạm Tuấn A, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002397 ngày 27-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND tt. Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

